

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 101/2020/KDTM-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Triệu Thúy Hà.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Hoàng Thị Hòa.
Ông D Xuân Đỉnh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ

Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, phường a, quận b, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, số 10 Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Cung Công Đ - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V (sau đây gọi tắt là: Công ty V).

Địa chỉ: Xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1947.
2. Bà **Trương Thị S**, sinh năm 1952.
3. Anh **Hoàng Văn H1**, sinh năm 1983.
4. Chị **Hoàng Thị Kim L**, sinh năm 1985.
5. Cháu **Hoàng Tùng D**, sinh năm 2007
6. Cháu **Hoàng Ngọc Khánh T2**, sinh năm 2011.

Cùng địa chỉ: Xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của cháu D và cháu T2 là ông H1, bà L (bố mẹ đẻ).

7. Ông **Hoàng Ngọc T**, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội

8. Bà **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 04, ngõ 668, phố Lạc Long Q, phường Nhật T, quận Tây H, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông Đ.

Vắng mặt: Các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các văn bản tại Tòa án, ông Cung Công Đ - Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày:**

Giữa Ngân hàng TMCP C và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V có quan hệ tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017 được giải ngân qua Khế ước nhận nợ số 232616169 ngày 21/02/2017.

Số tiền vay: 510.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm trăm mười triệu đồng chẵn*)

Số tiền thực tế giải ngân: 510.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm trăm mười triệu đồng chẵn*)

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 21/02/2017 đến ngày 21/02/2022.

Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 222988 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại V tại Ngân hàng C.

Mục đích: Mua xe thể chấp bằng chính chiếc xe mua để phục vụ nhu cầu đi lại của Bên được cấp tín dụng

Lãi suất vay : 8,5%/năm

Lãi suất quá hạn: 150 % lãi suất trong hạn

Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: $Lãi\ suất\ vay\ (\%/năm) = LS13 + 3,86 + X$

2. Hợp đồng tín dụng số: THX.DN.771.010817 ngày 03 tháng 08 năm 2017, phụ lục hợp đồng số THX.DN.771.010817/PL01 ngày 03/08/2017 được giải ngân qua Khế ước nhận nợ số 265360419 ngày 02/07/2018 số tiền gốc theo khế ước này là 470.000.000 đồng và Khế ước nhận nợ số 266753909 ngày 27/07/2018, số tiền gốc theo hợp đồng này là 530.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay: 1.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn*)

Số tiền thực tế giải ngân : 1.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn*)

Thời hạn vay : Kể từ ngày 03/07/2018 đến ngày 02/01/2019 đối với khế ước số 26536041 và từ ngày 28/07/2018 đến ngày 27/01/2019 đối với khế ước số 266753909.

Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 222988 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại V tại Ngân hàng C.

Mục đích: Bỏ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề trên đăng ký kinh doanh của Công ty V.

Lãi suất vay : 9,3%/năm

Lãi suất quá hạn: 150 % lãi suất trong hạn.

Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 3,1 + X$.

Các khoản vay trên đều được bảo đảm bằng hai tài sản thế chấp sau:

- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hộ gia đình ông Hoàng Văn T1 (gồm ông Hoàng Văn T1 và bà Trương Thị S) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 257666, số vào sổ cấp GCN: 0208/QSDĐ/CL do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/1998.

- Thế chấp phương tiện vận tải đường bộ là xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, biển số 30E-477.90, số khung 5AA6HC058202, số máy P520420129 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 363153 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2017 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại VICOMEX theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số THX.BĐDN.302.100217 ký ngày 21/02/2017; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 21/02/2017, số đăng ký 1240591135

Ngày 02/01/2019 và ngày 27/01/2019, khoản vay đáo hạn (kết thúc thời hạn cho vay), nhưng Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại V không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng C. Do đó, tính kể từ ngày kế tiếp của ngày đáo hạn, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của các Khế ước nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn.

Ngày 23/7/2020, bị đơn đã trả được toàn bộ nợ gốc và 78.465.494 đồng lãi trong hạn của Hợp đồng tín dụng số THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017. Còn nợ: Lãi hạn trong hạn là: 18.347.494 đồng; Lãi quá hạn: 42.818.027 đồng; Tổng cộng: 61.192.524 đồng. Ngân hàng đã giải chấp tài sản đảm bảo là xe ô tô con, nhãn hiệu: Mazda, biển số 30E-477.90, số khung 5AA6HC058202, số máy P520420129.

Tính đến 14/9/2020 bị đơn còn nợ là :

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng số THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017 là: Nợ gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 18.374.497 đồng; Lãi quá hạn: 43.445.459 đồng; Tổng cộng: 61.819.956 đồng .

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng THX.DN.771.010817 ngày 03 tháng 08 năm 2017 được thể hiện qua hai khế ước nhận nợ:

- Khế ước số 266753909 là : Vốn gốc: 470.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 3.792.192 đồng; Lãi quá hạn: 120.670.890 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.215.133 đồng; Tổng cộng: 594.463.082 đồng;

- Khế ước 265360419 là: vốn gốc: 343.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.966.028 đồng; lãi quá hạn: 137.516.486 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.936.352 đồng; Tổng cộng: 485.482.514 đồng.

Tổng nợ của cả hai hợp đồng tín dụng là: Nợ gốc: 813.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 27.132.717 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.632.835 đồng; Tổng cộng: 1.141.765.552 đồng.

Công ty V có trách nhiệm trả cho ngân hàng C tổng số tiền nợ gốc và lãi, lãi phạt tính đến ngày xét xử là 1.141.765.552 đồng.

Kể từ 15/9/2020, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc.

Nếu Công ty V không trả hoặc trả không đủ toàn bộ tiền nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hộ ông Hoàng Văn T1 (gồm ông Hoàng Văn T1 và bà Trương Thị S) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 257666, sổ vào sổ cấp GCN: 0208/QSDĐ/CL do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản 2814.2016/HĐTC ngày 22/6/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ nguyên đơn yêu cầu ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim H2 liên đới cùng công ty trả số tiền còn thiếu cho Nguyên đơn theo bản cam kết đã ký với nguyên đơn.

3. Về án phí: Công ty V phải chịu toàn bộ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda3 là tài sản thế chấp Hợp đồng thế chấp xe tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 21/02/2017, số đăng ký 1240591135 và rút yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi.

*** Theo bản tự khai và các văn bản tại Tòa án, ông Hoàng Ngọc T - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V trình bày:**

Công ty V đã ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Ngân hàng C cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017 được giải ngân qua Khế ước nhận nợ số 232616169 ngày 21/02/2017.

- Hợp đồng tín dụng số: THX.DN.771.010817 ngày 03 tháng 08 năm 2017, phụ lục hợp đồng số THX.DN.771.010817/PL01 ngày 03/08/2017 được giải ngân qua Khế ước nhận nợ số 265360419 ngày 02/07/2018.

Về nội dung hợp đồng tín dụng theo đúng như người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng đã trình bày, ông không có ý kiến gì.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, giữa Công ty V, ngân hàng và bên thế chấp tài sản đã ký các hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hộ ông Hoàng Văn T1 (gồm ông Hoàng Văn T1 và bà Trương Thị S) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 257666, sổ vào sổ

cấp GCN: 0208/QSDĐ/CL do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/1998. Hợp đồng thế chấp số công chứng 2814.2016. HĐTC ngày 22/6/2016.

- Xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, biển số 30E-477.90, số khung 5AA6HC058202, số máy P520420129 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 363153 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2017 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại VICOMEX theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số THX.BĐDN.302.100217 ký ngày 21/02/2017; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 21/02/2017, số đăng ký 1240591135

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Do gặp khó khăn trong kinh doanh nên Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng dẫn đến ngân hàng khởi kiện.

Ngày 23/7/2020 ngân hàng đã đồng ý giải chấp tài sản đảm bảo là xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, biển số 30E-477.90, số khung 5AA6HC058202, số máy P520420129 và bên vay được trừ dư nợ 380.000.000đ nợ gốc. Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với khoản nợ và xử lý tài sản bảo đảm đối với Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đối với tài sản này do hai bên đã giải quyết xong nợ. Ông T đại diện công ty V hoàn toàn đồng ý.

Người đại diện hợp pháp của công ty V không có ý kiến gì về việc tính nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu.

Công ty V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí : Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các văn bản tại Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:**

- Bà Nguyễn Thị Kim H2: Theo Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, bà Nguyễn Kim H2 trình bày : Về việc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần C, bà H2 nhất trí với nội dung hợp đồng cụ thể như đã ký kết. Nội dung về tiền nợ gốc, nợ lãi đúng như phía Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày là đúng. Bà H2 hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Hoàng Ngọc T và không có ý kiến gì khác. Về việc cam kết trả nợ cùng Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V, trong trường hợp Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng bà có ý kiến. Do bà H2 và ông T là chỗ anh em cùng làm việc với nhau lâu năm nên ông T nhờ bà đứng tên thành viên góp vốn trong công ty. Tuy nhiên mọi vấn đề điều hành công ty đều do ông T thực hiện. Nay có việc khởi kiện của Ngân hàng, bà H2 nhận thấy đây là nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V chứ không phải cá nhân bà. Khi thực hiện cam kết trả nợ chỉ có bà và nhân viên Ngân hàng, không hề có ông T tại đó, ông T và Ngân hàng và bà không có thỏa thuận ba bên về việc thống nhất chuyển giao nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng từ Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V sang cho bà H2. Do vậy, bà đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V phải trả nợ khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng. Bà nhận thấy mình không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp Công ty vi phạm nghĩa vụ. Do công việc bận rộn, bà ủy quyền cho ông Hoàng Ngọc T thay bà giải quyết mọi vấn đề liên quan đến nội dung vụ án này và giải quyết vắng mặt bà.

- Ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị S cùng trình bày: Khoảng năm 2017, do cần tiền đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, ông Hoàng Ngọc T đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần C (Ngân hàng C), cụ thể số tiền ông T vay bao nhiêu ông, bà không rõ. Ông T là người sử dụng số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng như thế nào ông bà không nắm rõ. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, ông T1 bà S đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 245m² tại xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hiện tại trên thửa đất có ông T1, bà S, các con của ông bà gồm Hoàng Văn H1, sinh năm 1983, chị Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1985 (vợ anh H1), cháu Hoàng Tùng D, sinh năm 2007 (con anh H1, chị L) và cháu Hoàng Thị Khánh T2, sinh năm 2011 (con anh H1, chị L) đang ở. Hiện trạng xây dựng kể từ thời điểm thế chấp đến nay không có thay đổi gì. Nay có việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông T là người vay tiền thì ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng để rút sổ đỏ của gia đình ông bà ra giải chấp. Ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giảm bớt lãi cho ông T.

- Chị Hoàng Thị Kim L trình bày: Hiện tại chị cùng chồng và hai con sinh sống trên thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27 tại thôn Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội là tài sản thế chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V. Về việc ký kết hợp đồng thế chấp là do bố mẹ chồng của chị là chủ tài sản ký kết, chị chỉ là người ở trên đất. Việc ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là do ông Hoàng Ngọc T là Giám đốc công ty ký kết và trả nợ. Nay Tòa án thông báo cho biết hiện nay Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần C khoảng 1,3 tỷ đồng thì chị L đề nghị ông Hoàng Ngọc T xem xét có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và giải chấp tài sản. Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V không trả được nợ cho Ngân hàng thì việc xử lý tài sản theo quy định của pháp luật, chị L không có ý kiến gì.

- Anh Hoàng Văn H1 trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của ông Hoàng Ngọc T, ông Hoàng Văn T1, bà Trương Thị S và không bổ sung thêm gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật. Cần rút kinh nghiệm về việc để vụ án để quá thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy nhiên quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như nội dung vụ án không bị ảnh hưởng.

- Về tuân thủ pháp luật của đương sự: Một số đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mục đích sử dụng tiền Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề trên đăng ký kinh doanh của Công ty V, nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại địa bàn xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đ, thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt: Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

Về tư cách tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C, người khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền lợi.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V bị nguyên đơn khởi kiện.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông T1, bà S là người thế chấp tài sản; Anh H1, chị L, cháu D cháu T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do đang ở trên tài sản thế chấp. Ông Hoàng Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do có cam kết liên đới trả nợ cùng bị đơn trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà bị đơn vẫn còn nợ, việc giải quyết vụ án liên quan đến nghĩa vụ của ông T, bà H2.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu bị đơn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng có nội dung như lời trình bày của nguyên đơn và được bị đơn thừa nhận toàn bộ tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Hợp đồng tín dụng được ký kết năm 21/02/2017 nên áp dụng các quy định về Hợp đồng vay tài sản và giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng được lập thành văn bản theo đúng quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng tín dụng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Bị đơn thừa nhận nghĩa vụ còn lại chưa thực hiện đối với bị đơn. Nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn. Bị đơn phải trả nguyên đơn nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2020 như sau:

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng số THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017 là: Nợ gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 18.374.497 đồng; Lãi quá hạn: 43.445.459 đồng; Tổng cộng: 61.819.956 đồng.

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng THX.DN.771.010817 ngày 03 tháng 08 năm 2017 được thể hiện qua hai kế ước nhận nợ:

- Kế ước số 266753909 là : Vốn gốc: 470.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 3.792.192 đồng; Lãi quá hạn: 120.670.890 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.215.133 đồng; Tổng cộng: 594.463.082 đồng;

- Kế ước số 265360419 là: vốn gốc: 343.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.966.028 đồng; lãi quá hạn: 137.516.486 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.936.352 đồng; Tổng cộng: 485.482.514 đồng.

Tổng nợ của cả hai hợp đồng tín dụng là: Nợ gốc: 813.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27.132.717 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.632.835 đồng; Tổng cộng: 1.141.765.552 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu đòi với số tiền nợ lãi phạt: 9.599.115 đồng. Việc rút yêu cầu là hợp pháp và tự nguyện nên được chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả lãi của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi trả hết nợ gốc là có căn cứ phù hợp pháp luật được chấp nhận.

- Về quan hệ thế chấp tài sản và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

+ Để bảo đảm, bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty V đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô Mazda 3 đứng tên Công ty (Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số THX.BĐDN.302.100217 ký ngày 21/02/2017) tại Ngân hàng TMCP C;

+ Để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của công ty V, ông Hoàng Văn T1 và bà Trương Thị S đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hộ ông Hoàng Văn T1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2814.2016. HĐTC ngày 22/6/2016 tại Phòng công chứng số 3 Hà Nội.

Xác định cả hai tài sản tên đều đảm bảo, bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty V theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do bị đơn đã trả nợ gốc nên nguyên đơn đồng ý cho bị đơn giải chấp đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda3. Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm này nên đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp THX.BĐDN.302.100217 ký ngày 21/02/2017.

Về Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thấy: Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần C ủy quyền thường xuyên cho các Chi nhánh ký kết hợp đồng thế chấp với khách hàng cá nhân; Ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị S có đủ năng lực hành vi dân sự, có thể tự mình tham gia ký kết hợp đồng thế chấp xác lập quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đúng quy định của pháp luật. Do vậy chủ thể ký kết hợp đồng là hợp pháp.

Hợp đồng thế chấp được ký kết vào năm 2016 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết về quan hệ thế chấp và xử lý tài sản. Hợp đồng thế chấp được công chứng, tại trụ sở Văn phòng công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại điều 342 Bộ luật dân sự 2005, các điều khoản của Hợp

đồng thỏa mãn quy định tại các điều từ 715 đến 721 của Bộ luật dân sự 2005, nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Do Hợp đồng thế chấp hợp pháp, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 21, tại xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ (Điều 299 - Bộ luật dân sự 2015).

Tại phiên họp hòa giải và tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô Mazda. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và hợp pháp. Do vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc “Buộc ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim H2 liên đới cùng Công ty V trả số tiền còn thiếu cho Nguyên đơn trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ theo 02 “ Giấy cam kết về việc trả nợ” ngày 28/6/2016 của ông Hoàng Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim H2 với nguyên đơn” thấy: Hai bản cam kết này được thực hiện trước khi có Bộ luật dân sự 2015 nhưng các thỏa thuận của về giao dịch dân sự phù hợp với Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Xác định hai bản cam kết trên là giao dịch dân sự, xác lập nghĩa vụ của các bên tham gia, thỏa mãn quy định tại các điều 116; 117,118,119 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên giao dịch dân sự trên là hợp pháp. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T, bà H2 phải thực hiện đúng theo cam kết tại “ Giấy cam kết về việc trả nợ” ngày 28/6/2016. Ông T, bà H2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bị đơn trả nốt số nợ còn thiếu cho nguyên đơn trong trường hợp xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn Bị đơn còn nợ nguyên đơn.

[5] **Về án phí:** Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116; 117,118,119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342, 343, 344, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 238, 271, 273; 370 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C đối Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tính đã ký kết tính đến 14/9/2020 như sau:

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng số THX.DN.170.130217 ngày 21 tháng 02 năm 2017 là: Nợ gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 18.374.497 đồng; Lãi quá hạn: 43.445.459 đồng; Tổng cộng: 61.819.956 đồng .

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng THX.DN.771.010817 ngày 03 tháng 08 năm 2017 được thể hiện qua hai khế ước nhận nợ:

- Khế ước số 266753909 là : Vốn gốc: 470.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 3.792.192 đồng; Lãi quá hạn: 120.670.890 đồng; Tổng cộng: 594.463.082 đồng;

- Khế ước 265360419 là: vốn gốc: 343.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.966.028 đồng; Lãi quá hạn: 137.516.486 đồng; Tổng cộng: 485.482.514 đồng.

Tổng nợ của cả hai hợp đồng tín dụng là: Nợ gốc: 813.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27.132.717 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.632.835 đồng; Tổng cộng: 1.141.765.552 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu số tiền nợ lãi phạt: 9.599.115 đồng của nguyên đơn.

Kể từ ngày 15/9/2020, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ theo quyết định của bản án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 257666 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 0208/QSĐĐ/CL do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/12/1998 cho Hộ gia đình ông Hoàng Văn T1 để thu hồi toàn bộ nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V và ông Hoàng Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim H2 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết các khoản nợ theo “Giấy cam kết về việc trả nợ” ngày 28/6/2016 .

Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô Mazda3 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số THX.BĐDN.302.100217 ký ngày 21/02/2017 tại Ngân hàng TMCP C;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại V phải chịu án phí là 46.252.966 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền án phí 27.488.160 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/00 1581 ngày 25/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thúy Hà